TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BL** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/HS-ST
Ngày 12-4-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BL, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Quyết

Ông Mông Hải Châu

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Văn San – Thư ký Tòa án nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Đàm Thanh Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng, tiến hành mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2023/TLST-HS ngày 27/02/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXXST-HS ngày 29/3/2023 đối với các bị cáo:

Lý Trung Đ (tên gọi khác: Không) sinh ngày 29/9/1986 tại huyện BL, tỉnh Cao Bằng; Nơi cư trú: xóm PR, xã LB, huyện BL, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam, tôn giáo. Không, Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Văn Đ, sinh năm 1952 và bà Hà Thị L (đã chết); có vợ là Lục Thị T, sinh năm 1987; Con: 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2015; Tiền án: Không: Tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử phạt hành chính. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 20/9/2022 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện BL, tỉnh Cao Bằng; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Giàng Thị V (tên gọi khác: Không); sinh ngày 01/6/1978 tại huyện BL, tỉnh Cao Bằng: Nơi cư trú: xóm PL, xã LB, huyện BL, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: Mù chữ; dân tộc: Mông; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Giàng A D, sinh năm 1952 và bà Mùa Thị D (đã chết); chồng: Sùng A C(đã chết); Con: 03 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2004; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử phạt hành chính. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ

ngày 19/9/2022 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện BL, tỉnh Cao Bằng; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Vừ Thào P (tên gọi khác: Không); sinh ngày 01/01/1986 tại huyện BL, tỉnh Cao Bằng; Nơi cư trú: xóm PR, xã LB, huyện BL, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: Mù chữ; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Vừ A Kh (đã chết) và bà Vừ Thị M(đã chết); vợ: V Thị Xía, sinh năm 1988; Con: 03 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2008; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử phạt hành chính. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 23/9/2022 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện BL, tỉnh Cao Bằng; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo:*

+ Người bào chữa cho bị cáo Lý Trung Đ, Giàng Thị V, Vừ Thào P: Bà Nguyễn Thị Dạ Thảo – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

+ Người bào chữa cho bị cáo Giàng Thị V, Vừ Thào P: Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt, bà Nguyễn Thị Loan, ông Hờ A Cháu – Luật sư, Công ty luật Trách nhiệm hữu hạn TGS thuộc đoàn luật sư thành phố Hà Nội; Có mặt.

- *Nguyên đơn dân sự:* Ủy ban nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng; Người được ủy quyền ông Nông Văn B - Chủ tịch ủy ban nhân dân xã LB, huyện BL, tỉnh Cao Bằng (Theo Giấy ủy quyền số 626/GUQ- UBND ngày 03/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng); Có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Cộng đồng xóm PR, xã LB, huyện BL, tỉnh Cao Bằng; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tô Văn T, trưởng xóm PR, xã LB, huyện BL, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt.

- *Người phiên dịch tiếng Mông:* Ông Hoàng A T, Địa chỉ: Khu x, thị trấn PM, huyện BL, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 07/3/2022, Hạt Kiểm lâm huyện BL phối hợp với Ủy ban nhân dân xã LB, huyện BL tuần tra tại tiểu khu xx thuộc địa phận xóm PR, xã LB đã phát hiện có điểm chặt phá rừng phòng hộ trái phép. Quá trình điều tra xác định được các đối tượng Lý Trung Đ, Vừ Thào P, Giàng Thị V là người thực hiện; tại cơ quan điều tra, Đ, P, V khai nhận:

Khoảng đầu tháng 3 năm 2022, Lý Trung Đ gặp và nói với Vừ Thào P, Giàng Thị V rằng Đ có một thửa đất rừng, nếu P, V cần diện tích đất rừng để trồng cây hồi thì đến chặt phá, dọn dẹp và trồng cây. Đ thỏa thuận với P, V sau khi chặt phá, dọn dẹp xong thì P và V tự mua giống cây hồi về trồng, sau khoảng 03 năm,

cây hồi lớn, có thể cho thu hoạch thì sẽ chia thành hai phần bằng nhau, một phần chia cho Đ và phần còn lại chia đều cho P và V, P và V đã đồng ý. Khoảng 02 ngày sau, P và V đến gặp Đ, Đ đưa P và V đến chỉ vị trí thửa đất rừng sẽ chặt phá, P và V nói với Đ, nếu bị cơ quan chức năng phát hiện thì Đ phải chịu trách nhiệm, Đ đồng ý, Đ còn nói đây là khoảnh đất rừng do bố mẹ của Đ để lại. Khoảng 04 ngày sau nữa thì P, V đi đến khoảnh rừng đã được Đ chỉ cho từ trước đó và cùng nhau thực hiện chặt phá rừng. Ngày thứ nhất, P, V đã sử dụng dao quắm để chặt phá, đến ngày thứ hai, V đem theo một chiếc máy cưa, P đã sử dụng máy cưa này để cưa hạ những cây to, còn V thì sử dụng dao để chặt hạ những cây nhỏ, cành nhỏ. Sau hai ngày chặt phá thì hết cây trên diện tích đất rừng mà Đ đã chỉ vị trí. Sau khi chặt hạ xong, P và V để nguyên số cây đã chặt tại hiện trường, đợi đến khi cành khô sẽ tiến hành đốt và dọn dẹp để lấy diện tích đất trồng cây nhưng chưa thực hiện được thì vụ việc đã bị Hạt kiểm lâm huyện BL phát hiện.

Kết quả khám nghiệm hiện trường, xác định được, vị trí rừng bị chặt phá là lô 20, 23, khoảnh 4, tiểu khu xx thuộc xóm PR, xã LB, huyện BL, tỉnh Cao Bằng, gồm 99 khúc gỗ nhóm thông thường (gỗ tròn) có khối lượng 33.091 m^3 và 11 Ster củi nhóm gỗ thông thường.

Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 816168 cấp cho Cộng đồng xóm PR; trích lục bản đồ ba loại rừng năm 2015 của Hạt kiểm lâm huyện BL; Quyết định số 415/QĐ - UBND tỉnh Cao Bằng ngày 31/3/2015 về việc phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Cao Bằng; Trích lục bản đồ 3 loại rừng năm 2015 xã LB, xác định được, khu rừng bị chặt phá có chức năng rừng phòng hộ, trạng thái TXP (rừng gỗ tự nhiên núi đất LRTX phục hồi). Kết quả đo đạc của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên, Môi trường tỉnh Cao Bằng, xác định, diện tích rừng phòng hộ bị chặt phá là 12.958,8 m^2 (mười hai nghìn chín trăm năm mươi tám phẩy tám mét vuông).

Kết luận định giá tài sản số 93/KL-HĐĐGTS ngày 04/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện BL, kết luận: 99 khúc gỗ nhóm thông thường (gỗ tròn) với khối lượng 33,091m^3 có giá trị là 132.364.000 đồng; 11 Ster củi (7,7 mét khối) gỗ nhóm thông thường, dạng củi có giá trị là 5.135.900 đồng, Tổng cộng: 137.499.900 đồng.

Vật chứng đã thu giữ gồm: 01 (một) con dao quắm bằng kim loại màu đen dài 31 cm; 01 (một) con dao quắm bằng kim loại màu đen dài 51 cm; 01 (một) máy cưa màu V cam, nhãn hiệu HUSQVARNA 365, dài 43 cm, rộng 20cm, không có lưỡi lam, 99 (chín mươi chín) khúc gỗ nhóm thông thường (gỗ tròn) với khối lượng 33,091m^3; 11 Ster củi nhóm thông thường (đã bàn giao cho Ủy ban nhân dân xã LB, huyện BL, tỉnh Cao Bằng trông coi và quản lý) chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện BL, tỉnh Cao Bằng.

Ngày 14/12/2022, Sùng A T là con đẻ của Giàng Thị V đã nộp số tiền 3.000.000 đồng, ngày 30/01/2023 Vàng Thị X là con đẻ của Vừ Thào P đã nộp số

tiền 2.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện BL để khắc phục hậu quả về hành vi hủy hoại rừng của V và P đã gây ra.

Bản Cáo trạng số 11/CT-VKSBL ngày 22/02/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng đã truy tố các bị cáo Lý Trung Đ, Vừ Thào P, Giàng Thị V về tội "Hủy hoại rừng" theo điểm c, khoản 3, Điều 243 của Bộ luật Hình sự.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Lục Thị T là vợ của bị cáo Lý Trung Đ nộp số tiền 3.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện BL để khắc phục hậu quả về hành vi hủy hoại rừng của Đ, bà T còn có Đơn cam kết tự nguyện nộp toàn bộ giá trị số lâm sản bị thiệt hại và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo Lý Trung Đ thừa nhận do muốn có đất để trồng cây hồi nên đầu tháng 3 năm 2022, bị cáo Đ đã tìm gặp V và P để bàn bạc thống nhất với V và P chặt phá trái phép cây rừng thuộc lô 20, 23, khoảnh 4, tiểu khu xx thuộc xóm PR, xã LB, huyện BL, tỉnh Cao Bằng. Rừng bị chặt phá có chức năng rừng phòng hộ, diện tích rừng bị chặt phá là 12.958,8m^2. Bị cáo xác định đất rừng đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bị cáo và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã bị thu hồi. Bị cáo V và P khai, do tin tưởng bị cáo Lý Trung Đ là người quản lý hợp pháp khu rừng, đã được cấp có thẩm quyền cho phép khai thác nên đã đồng ý chặt phá khu rừng để trồng cây hồi, mục đích là sau khoảng 03 năm, cây hồi được thu hoạch quả sẽ được hưởng 1/2 số quả hồi. Các bị cáo đã tác động đến người thân tự nguyện nộp một phần tiền khắc phục hậu quả. Đối với những vật chứng là công cụ phương tiện phạm tội và số gỗ các bị cáo không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Cộng đồng xóm PR, người đại diện theo ủy quyền ông Tô Văn T, trưởng xóm PR, vắng mặt, ông Tiến có lời khai trong hồ sơ thể hiện, ông được bầu làm trưởng xóm PR từ năm 2019, là người đại diện cho xóm PR nhận quản lý, bảo vệ rừng phòng hộ cộng đồng xóm từ năm 2019 đến nay, được đại diện xóm nhận tiền chi trả bảo vệ rừng vào các năm 2019, 2020, 2021, ông cùng với nhân dân trong xóm thống nhất chi các khoản tiền này cho việc phát triển xóm và các hoạt động tuần tra và bảo vệ rừng. Việc Lý Trung Đ, Vừ Thào P, Giàng Thị V chặt phá rừng tại thời điểm xảy ra ông không biết, sau khi sự việc xảy ra, được cơ quan chức năng thông báo ông mới biết.

Nguyên đơn dân sự tại phiên tòa xác định đất rừng bị chặt phá đã đã được Ủy ban nhân dân huyện BL cấp cho Cộng đồng xóm PR quản lý vào năm 2006, hằng năm chính quyền địa phương đều đã tuyên truyền đến từng hộ dân về bảo vệ và phát triển rừng thông qua các buổi họp xóm, các đợt tuần tra, kiểm soát. Các bị cáo không xin phép các cơ quan chức năng đã tự chặt phá trái phép đất rừng phòng hộ là vi phạm pháp luật. Diện tích rừng bị chặt là 12.958,8 m^2 gồm 99 khúc gỗ nhóm thông thường (gỗ tròn) với khối lượng 33,091m^3 có giá trị là 132.364.000 đồng; 11 Ster củi (7,7 mét khối) gỗ nhóm thông thường dạng củi có giá trị là 5.135.900 đồng; Tổng giá trị số lâm sản các bị cáo chặt phá trái phép là 137.499. 900 đồng. Xét hoàn cảnh gia đình các bị cáo đều thuộc hộ nghèo, trước khi thực hiện hành vi chặt phá rừng, các bị cáo đều chấp hành tốt các quy định pháp luật, vì

vậy, Ủy ban nhân dân huyện giảm mức bồi thường thiệt hại cho các bị cáo, chỉ yêu cầu các bị cáo phải liên đới bồi thường thiệt hại bằng 30% giá trị thiệt hại theo định giá tài sản tương ứng với số tiền 41.249.970 đồng.

Các bị cáo nhất trí liên đới bồi thường cho nguyên đơn dân sự với tổng số tiền 41.249.970 đồng. Bị cáo V bồi thường số tiền 3.000.000 đồng, bị cáo P bồi thường số tiền 2.000.000 đồng, số tiền còn lại là 36.249.970 đồng bị cáo Đ chịu trách nhiệm bồi thường. Ủy ban nhân dân huyện BL nhất trí với sự thỏa thuận này của các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BL vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Lý Trung Đ, Vừ Thào P, Giàng Thị V phạm tội "Hủy hoại rừng", đề nghị áp dụng điểm c, khoản 3, Điều 243; điểm s, b, khoản 1, Khoản 2, Điều 51, Điều 38; Điều 58, Điều 17 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đ để xử phạt bị cáo Đ từ 07 năm tù đến 08 năm tù; đề nghị áp dụng điểm c, khoản 3, Điều 243; điểm s, b, khoản 1, Khoản 2, Điều 51, Điều 38; Điều 58; Điều 17; Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo V, P để xử phạt bị cáo V, P mỗi bị cáo từ 04 năm tù đến 05 năm tù. Về trách nhiệm dân sự, đề nghị buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho nguyên đơn dân sự số tiền 137.499.900 đồng để sung quỹ Nhà nước, được trừ đi số tiền 8.000.000 đồng gia đình các bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện BL để khắc phục hậu quả. Buộc các bị cáo còn phải liên đới bồi thường số tiền 129.499.900 đồng. Về hình phạt bổ sung, đề nghị không áp dụng đối với các bị cáo. Về xử lý vật chứng, đề nghị tuyên tịch thu tiêu hủy 01 con dao quắm bằng kim loại màu đen dài 31 cm và 01 con dao quắm bằng kim loại màu đen dài 51 cm; tịch thu, phát mại, sung quỹ nhà nước 01 máy cưa; đối với số gỗ tại hiện trường đã mục nát, không còn giá trị sử dụng, không đề nghị xem xét. Về án phí, đề nghị miễn án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm cho các bị cáo do các bị cáo thuộc hộ nghèo, là người dân tộc thiểu số sinh sống ở khu vực có điều kiện đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí.

Bị cáo Lý Trung Đ tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, bị cáo không nhất trí về tội danh đối với bị cáo do đất rừng đã được cấp cho gia đình bị cáo, không nhất trí về kết luận định giá tài sản, do kết luận định giá về giá gỗ quá cao. Người bào chữa cho bị cáo Lý Trung Đ tranh luận, không nhất trí với truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện BL về tội danh đối với bị cáo Đ đề nghị hoãn phiên tòa do chưa xác định rõ việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình bị cáo Đ và hoãn phiên tòa để định giá lại tài sản thiệt hại theo điểm d, khoản 1, Điều 297 của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Trường hợp Hội đồng xét xử không chấp nhận hoãn phiên tòa thì đề nghị áp dụng thêm cho bị cáo Đ tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự do bị cáo có bác ruột là liệt sĩ và gia đình bị cáo đang thờ cúng, bác ruột của bị cáo được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba vì đã có công lao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, đề nghị áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 03 năm tù cho hưởng án treo.

Người bào chữa cho bị cáo Giàng Thị V, Vừ Thào P tranh luận với Đại diện Viện kiểm sát, không nhất trí với luận tội về tội danh đối với các bị cáo, đề nghị trả hồ sơ điều tra bổ sung theo điểm a, khoản 1, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Hình sự để làm rõ nguồn gốc đất và việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình bị cáo Đ, Giấy chứng nhận cấp cho cộng đồng xóm PR không ghi ngày tháng năm. Trường hợp Hội đồng xét xử không đồng ý trả hồ sơ điều tra bổ sung thì đề nghị áp dụng thêm cho các bị cáo V, P tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là người phạm tội "phạm tội do lạc hậu" theo điểm m, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đề nghị áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo V, P 03 năm tù cho hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BL tranh luận với bị cáo Đ và người bào chữa của bị cáo Đ: Về đề nghị hoãn phiên tòa để xác định nguồn gốc đất, căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Sổ mục kê đất đai năm 2006 của xã LB thì đất rừng đã được Ủy ban nhân dân huyện BL cấp cho Cộng đồng xóm PR quản lý, bị cáo khai gia đình được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rừng này là không có cơ sở, không chấp nhận đề nghị hoãn phiên tòa của người bào chữa; Về tranh luận của bị cáo về tội danh, bị cáo Đ là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo phạm tội do cố ý, bị cáo tự ý cho rằng đất rừng thuộc quản lý của gia đình nên đã chủ động tìm gặp các bị cáo V, P để bàn bạc, thống nhất, chặt phá trái phép rừng với mục đích trồng cây hồi, diện tích rừng bị hủy hoại là 12 958,8 m^2, theo Quyết định số 415/QĐ - UBND tỉnh Cao Bằng ngày 31/03/2015 về việc phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Cao Bằng, Trích lục bản đồ 3 loại rừng năm 2015 xã LB, xác định được, khu rừng bị chặt phá có chức năng rừng phòng hộ, trạng thái TXP (rừng gỗ tự nhiên núi đất LRTX phục hồi), vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện BL đã truy tố và luận tội bị cáo Đ về tội Hủy hoại rừng là đúng người, đúng tội. Đối với đề nghị hoãn phiên tòa vì lý do cần định giá lại của người bào chữa cũng không có cơ sở, vì giá trị lâm sản bị thiệt hại được Hội đồng định giá tài sản tố tụng Hình sự huyện BL thực hiện theo đúng trình tự, Kết luận của Hội đồng định giá tài sản là đúng quy định của pháp luật, không có căn cứ để định giá lại, không chấp nhận đề nghị hoãn phiên tòa.

Về đề nghị trả hồ sơ điều tra bổ sung của người bào chữa cho bị cáo V, P để xác định lại nguồn gốc đất rừng, ngoài lời khai của bị cáo, không có các chứng cứ khác, với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở khẳng định đất rừng được Ủy ban nhân dân huyện BL cấp cho Cộng đồng xóm PR.

Về đề nghị áp dụng thêm cho bị cáo Đ tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự do bị cáo có bác ruột được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba không được chấp nhận, đề nghị cho bị cáo Đ được áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự và đề nghị xử phạt bị cáo 03 năm tù cho hưởng án treo cũng không có cơ sở chấp nhận do bị cáo Đ phạm tội rất nghiêm trọng, trong đồng phạm thì bị cáo giữ vai trò chủ mưu, cầm đầu nên Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên đề nghị mức phạt đối với bị cáo Đ. Đề nghị áp dụng thêm cho bị cáo V, P

tình tiết giảm hình nhẹ "phạm tội do lạc hậu" theo điểm m, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự và xử phạt các bị cáo V, P 03 năm tù cho hưởng án treo là không có cơ sở vì các bị cáo P, V biết rõ chặt phá rừng là vi phạm pháp luật nhưng để được hưởng lợi ích cá nhân bất hợp pháp mà các bị cáo cố ý thực hiện, bị cáo V, P không thuộc trường hợp phạm tội do lạc hậu, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo và đề nghị mức hình phạt ở khoảng giữa của khung hình phạt liền kề là đã tính hết các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo và sự khoan hồng của pháp luật, không chấp nhận đề nghị cho các bị cáo được hưởng án treo.

Nguyên đơn dân sự tranh luận với người bào chữa của bị cáo V và bị cáo P, đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho Cộng đồng xóm P Rà không ghi ngày tháng năm là do lỗi của các cơ quan chuyên môn, thực tế Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rừng đã được Ủy ban nhân dân huyện BL cấp cho Cộng đồng xóm PR năm 2006, về trình tự thủ tục cấp giấy đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Đối với đề nghị buộc các bị cáo bồi thường theo định giá tài sản của Đại diện Viện kiểm sát, Ủy ban nhân dân huyện BL xét hoàn cảnh gia đình các bị cáo đều thuộc hộ nghèo, nhất là gia đình bị cáo Đ, gia đình thờ cúng liệt sỹ, bác ruột của bị cáo là liệt sĩ là người có công với cách mạng nên Ủy ban nhân dân huyện BL đã giảm mức bồi thường thiệt hại cho các bị cáo để các bị cáo có khả năng bồi thường từ đó ổn định đời sống, phát triển kinh tế gia đình.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đều xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Kiểm lâm viên, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng, do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Kiểm lâm viên, Điều tra viên, Kiểm sát viên là hợp pháp. Về thủ tục tố tụng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, các bị cáo và người bào chữa có đề nghị hoãn phiên tòa nhưng không cung cấp được chứng cứ, căn cứ khoản 1, Điều 292 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử do đã có lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong hồ sơ vụ án, không chấp nhận đề nghị hoãn phiên tòa của các bị cáo và người bào chữa.

[2] Về tội danh:

[2.1] Tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa đề nghị xem xét hoãn phiên tòa, trả hồ sơ điều tra bổ sung để làm rõ nguồn gốc đất rừng là được cấp cho gia đình bị cáo Đ hay không theo lời khai của bị cáo Đ, từ đó mới định tội danh đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng, các chứng cứ có hồ trong sơ vụ án như Bản

sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bản sao Sổ mục kê đất đai năm 2006 của xã LB, lời khai Ủy ban nhân dân huyện BL tại phiên tòa, đủ cơ sở khẳng định Ủy ban nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rừng cho Cộng đồng xóm PR năm 2006, lời khai của bị cáo Đ là không có căn cứ. Mặt khác, pháp luật quy định, người nào có hành vi đốt, phá rừng trái phép thì đều bị xử lý tương xứng với hậu quả do hành vi trái pháp luật của người đó gây ra, do đó, không chấp nhận hoãn phiên tòa hay trả hồ sơ điều tra bổ sung.

[2 2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với kết quả điều tra và các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để khẳng định: Vào đầu tháng 3/2022, các bị cáo Lý Trung Đ, Giàng Thị V, Vừ Thào P đã bàn bạc, thống nhất với nhau về việc chặt phá trái phép cây rừng thuộc lô 20; 23, khoảnh 4, tiểu khu xx, thuộc xóm PR, xã LB, huyện BL, tỉnh Cao Bằng, mục đích để có đất rừng trồng cây hồi, mục đích là sau khoảng 03 năm cây hồi được thu hoạch thì các bị cáo Đ, V, P sẽ cùng hưởng lợi. Vì vậy bị cáo V, P đã chặt phá cây rừng trong 02 ngày, ngày thứ nhất các bị cáo sử dụng con dao quắm để chặt phá, ngày thứ hai, bị cáo V đem theo một chiếc máy cưa để bị cáo P sử dụng, cưa hạ những cây to, còn bị cáo V sử dụng dao chặt những cây nhỏ, cành nhỏ; Số diện tích mà bị cáo V, P chặt phá là 12.958,8 m^2 (mười hai nghìn chín trăm năm mươi tám phẩy tám mét vuông). Rừng bị chặt phá có chức năng rừng phòng hộ, trạng thái TXP (rừng gỗ tự nhiên núi đất LRTX phục hồi). Hành vi chặt phá rừng trái phép của các bị cáo Đ, V, P đã vi phạm khoản 1, Điều 9 của Luật Lâm nghiệp năm 2017, phạm vào tội "Hủy hoại rừng" với tình tiết định khung "Rừng phòng hộ có diện tích 10.000 mét vuông (m^2) trở lên" được quy định tại điểm c, khoản 3, Điều 243 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng truy tố các bị cáo Lý Trung Đ, Vừ Thào P, Giàng Thị V về tội Hủy hoại rừng theo điểm c, khoản 3, Điều 243 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về đồng phạm, tính chất của vụ án: Đây là vụ án có đồng phạm, bị cáo Đ, V, P thống nhất với nhau để thực hiện hành vi chặt phá rừng trái phép để được hưởng lợi ích cá nhân bất hợp pháp nên các bị cáo là đồng phạm nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn. Tuy vậy, tính chất, mức độ tham gia phạm tội của bị cáo là khác nhau, bị cáo Đ tự ý cho rằng đất rừng thuộc quyền quản lý hợp pháp của gia đình mình, không xin phép cơ quan chức năng có thẩm quyền nhưng gian dối đối với các bị cáo V, P là đã xin phép rồi nên bị cáo Đ là người chủ mưu, có vai trò chính. Còn bị cáo V, P biết rõ hành vi khai thác rừng mà không được cơ quan có thẩm quyền cho phép là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn được chia lợi ích cá nhân đã đồng ý thực hiện hành vì hủy hoại rừng, các bị cáo V, P đồng phạm với vai trò là người thực hành. Mặc dù ý thức của các bị cáo đơn thuần chỉ là chặt cây, phát rừng để có đất trồng cây hồi phát triển kinh tế gia đình nhưng buộc các bị cáo phải nhận thức được rằng đây là hành vi trực tiếp hủy hoại rừng, xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về khai thác và bảo vệ rừng, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến ổn định bền vững của môi trường sinh thái, xâm phạm nghiêm trọng đến tài sản của

Nhà nước được pháp luật hình sự bảo vệ. Các bị cáo chặt phá trái phép rừng phòng hộ có diện tích 12.958,8 m^2, giá trị thiệt hại lâm sản là 137.499.900 đồng, phạm tội thuộc điểm c, khoản 3, Điều 243 của Bộ luật Hình sự có mức hình phạt đến 15 năm tù, do đó, các bị cáo phạm tội có tính chất rất nghiêm trọng, cần thiết phải xử phạt các bị cáo thật nghiêm, để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo chưa bị kết án, chưa bị xử lý hành chính nên xác định các bị cáo có nhân thân tốt. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, đồng thời đã tác động đến gia đình tự nguyện nộp một phần tiền để bồi thường khắc phục một phần thiệt hại; các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, các bị cáo V, P mù chữ, nhận thức pháp luật hạn chế; nên Hội đồng xét xử xét cho các bị cáo đều được hưởng tình các tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, b, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Đ có bác ruột là liệt sỹ, gia đình bị cáo Đ được hưởng chế độ thờ cúng liệt sỹ, bác ruột của bị cáo là Lý Văn Q được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba vì đã có công lao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước nên đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Đ được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là có cơ sở chấp nhận; Đề nghị của người bào chữa cho bị cáo V, P đề nghị áp dụng thêm cho bị cáo V, P 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm m, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự là người phạm tội "phạm tội do lạc hậu" không được chấp nhận vì bị cáo V, P mù chữ, trình độ nhận thức pháp luật hạn chế, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn đã được Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bà Lục Thị T có đơn cam kết nộp toàn bộ số tiền để khắc phục hậu quả, nhưng đến nay bà T vẫn chưa nộp thêm khoản tiền nào, đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo của bà Tim là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Xét tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra, Hội đồng xét xử xét thấy rằng, bị cáo Đ phạm tội có tính chất rất nghiêm trọng, là chủ mưu, có vai trò chính, cần thiết phải áp dụng hình phạt tù giam, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, biết tuân thủ pháp luật, đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Đ đề nghị cho bị cáo được áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo 03 năm tù cho bị cáo hưởng án treo là không có cơ sở chấp nhận; bị cáo Đ có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được Hội đồng xét xử xem xét toàn diện, chỉ xử phạt bị cáo mức hình phạt ở đầu khung hình phạt là đã thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Đối với bị cáo V, P, là người thực hành tích cực, có nhân thần tốt, có 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự, có 01 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét cho các bị cáo V, P được áp dụng khoản 1, Điều 54 của Bộ luật Hình sự, áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung

hình phạt được áp dụng nhưng dù có được giảm thế nào đi chăng nữa vẫn cần thiết bắt các bị cáo cách ly khỏi xã hội một thời gian mới đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, vì vậy, đề nghị cho các bị cáo V, P mức hình phạt 03 năm tù cho hưởng án treo của người bào chữa là quá nhẹ nên không được chấp nhận. Căn cứ tính chất đồng phạm, mức tự nguyện bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả của các bị cáo V, P thì mức phạt đối với bị cáo P cao hơn mức hình phạt đối với bị cáo V.

[6] Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4, Điều 243 của Bộ luật Hình sự, "người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng", xét hoàn cảnh gia đình các bị cáo đều thuộc hộ nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo gây thiệt hại cho nhà nước thì phải bồi thường. Xét sự thỏa thuận bồi thường thiệt hại giữa nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân huyện BL với các bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 1, Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 589 của Bộ luật dân sự, cần chấp nhận. Các bị cáo phải liên đới bồi thưởng cho nguyên đơn dân sự với tổng số tiền 41.249.970 đồng để sung quỹ Nhà nước; bị cáo V bồi thường số tiền 3.000.000 đồng, bị cáo P bồi thường số tiền 2.000.000 đồng, số tiền còn lại 36.249.970 đồng bị cáo Đ chịu trách nhiệm bồi thường. Xác nhận, bị cáo P đã nộp số tiền 2.000.000 đồng, bị cáo V đã nộp số tiền 3.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Bị cáo Đ đã nộp số tiền 3.000.000 đồng để khắc phục hậu quả, bị cáo Đ còn phải tiếp tục bồi thường số tiền 33. 249.970 đồng.

[8] Về xử lý vật chứng:

[8.1] Đối với 01 (một) con dao quắm bằng kim loại màu đen dài 31 cm và 01 (một) con dao quắm bằng kim loại màu đen dài 51 cm là công cụ phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy; đối với 01 (một) máy cưa màu V cam, nhãn hiệu HUSQVARNA 365, dài 43 cm, rộng 20cm, không có lưỡi lam, còn giá trị sử dụng, cần tịch thu, phát mại, sung quỹ nhà nước theo điểm a, khoản 1, Điều 47 của Bộ luật Hình sự, điểm a, khoản 2, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[8.2] 99 khúc gỗ nhóm thông thường (gỗ tròn) có khối lượng 33,091m^3; 11 Ster củi nhóm thông thường, đang ở tại hiện trường, lô 20, 23, khoảnh 4, tiểu khu xx thuộc xóm PR, xã LB, huyện BL, tỉnh Cao Bằng, căn cứ vào biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Chi cục Thi hành án dân sự huyện BL, tỉnh Cao Bằng với Ủy ban nhân dân xã LB, huyện BL, tỉnh Cao Bằng ngày 24/02/2023, hiện vật chứng đã mục nát, không còn giá trị sử dụng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Các bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, các bị cáo bị buộc bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn dân sự nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, xét thấy, các bị cáo đều thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí, vì vậy, các bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 332, Điều 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

[11] Xét yêu cầu, đề nghị của người bào chữa cho các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát và lời nói sau cùng của các bị cáo tại phiên tòa: Đề nghị hoãn phiên tòa của người bào chữa cho bị cáo Đ về định giá lại tài sản theo điểm d, khoản 1, Điều 297 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, ý kiến không nhất trí về giá theo Kết luận định giá tài sản của bị cáo Đ là không có cơ sở chấp nhận vì Hội đồng định giá tài sản tố tụng Hình sự huyện BL đã thực hiện đúng trình tự thủ tục, bị cáo đã nhận thông báo về nội dung kết quả định giá tài sản nhưng không có ý kiến, vì vậy, Kết luận định giá tài sản số 93/KL-HĐĐGTS ngày 04/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện BL là đúng pháp luật, không có căn cứ để định giá lại tài sản; Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BL về tội danh, mức hình phạt, hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng đều phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận, đề nghị buộc các bị cáo phải bồi thường thiệt hại theo Kết luận định giá tài sản không phù hợp với quyền đề nghị mức bồi thường thiệt hại của nguyên đơn dân sự theo điểm g, khoản 2, Điều 63 của Bộ luật Tố tụng Hình sự nên không được chấp nhận; Lời nói sau cùng của các bị cáo đã được Hội đồng xét xử xem xét nhưng không có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lý Trung Đ, Vừ Thào P, Giàng Thị V phạm tội "Hủy hoại rừng".

2. Áp dụng điều luật:

- Áp dụng điểm c, khoản 3, Điều 243; điểm s, b, khoản 1, khoản 2, Điều 51, Điều 38, Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lý Trung Đ.

- Áp dụng điểm c, khoản 3, Điều 243; điểm s, b, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 58; khoản 1, Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Vừ Thào P, Giàng Thị V.

- Áp dụng khoản 1, Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 589 của Bộ luật dân sự.

- Áp dụng điểm a, khoản 1, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, khoản 2, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Áp dụng điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Áp dụng Điều 331, Điều 332, Điều 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

3. Hình phạt:

- Hình phạt chính:

+ Xử phạt bị cáo Lý Trung Đ 7 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam là ngày 20/9/2022.

+ Xử phạt bị cáo Vừ Thào P 4 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam là ngày 23/9/2022.

+ Xử phạt bị cáo Giàng Thị V 4 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam là ngày 19/9/2022.

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

4. Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo Lý Trung Đ, Vừ Thào P, Giàng Thị V phải liên đới bồi thường thiệt hại cho Ủy ban nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng với tổng số tiền 41.249.970 đồng (Bốn mươi mốt triệu hai trăm bốn mươi chín nghìn chín trăm bảy mươi đồng) để sung quỹ Nhà nước. Trong đó:

+ Bị cáo Lý Trung Đ phải bồi thường số tiền 36.249.970 đồng. Xác nhận, bị cáo Đ đã tự nguyện nộp số tiền 3.000.000 đồng khắc phục hậu quả theo Biên lai thu tiền số 0001596 ngày 07/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện BL, tỉnh Cao Bằng. Bị cáo Lý Trung Đ còn phải bồi thường số tiền 33.249.970 đồng (Ba mươi ba triệu hai trăm bốn mươi chín nghìn chín trăm bảy mươi đồng).

+ Bị cáo Vừ Thào P phải bồi thường số tiền 2.000.000 đồng. Xác nhận, bị cáo P đã tự nguyện nộp số tiền 2.000.000 đồng khắc phục hậu quả theo Biên lai thu tiền số 0001581 ngày 30/01/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện BL, tỉnh Cao Bằng.

+ Bị cáo Giàng Thị V phải bồi thường số tiền 3.000.000 đồng. Xác nhận, bị cáo V tự nguyện đã nộp số tiền 3.000.000 đồng khắc phục hậu quả theo Biên lai thu tiền số 0001566 ngày 14/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện BL, tỉnh Cao Bằng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

5. Về vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) con dao quắm bằng kim loại màu đen dài 31 cm, bản rộng nhất là 04 cm, không có cán, dao đã qua sử dụng.

+ 01 (một) con dao quắm bằng kim loại màu đen dài 51 cm, phần lưỡi dao và chuôi dao dài 31 cm, bản rộng nhất 04 cm, có cán bằng gỗ dài, dao đã qua sử dụng.

- Tịch thu, phát mại, nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) máy cưa màu V cam, nhãn hiệu HUSQVARNA 365, dài 43 cm, rộng 20 cm, không có lưỡi lam, máy đã qua sử dụng.

Xác nhận, toàn bộ vật chứng trên đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện BL theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện BL với Chi cục Thi hành án dân sự huyện BL ngày 23/02/2023.

6. Về án phí: Miễn án phí hình sự, dân sự sơ thẩm cho bị cáo Lý Trung Đ; Miễn án phí hình sự cho các bị cáo Vừ Thào P, Giàng Thị V.

7. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến việc bồi thường thiệt hại trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện BL;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng;
- Cơ quan THAHS huyện BL;
- Thi hành án dân sự huyện BL;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Nguyên đơn dân sự;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hoàng Thị Kim